| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 165/2024/DS-PT
Ngày: 09-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Giàu;

*Các Thẩm phán:* Bà Võ Thị Hồng Mai, ông Trần Quốc Vũ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên, Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 03 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 134/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số: 05/2024/QĐPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Đức V, sinh năm 1993, cư trú tại: Ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền của anh Phan Đức V:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ D, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2023), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1962, có mặt.
Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964, vắng mặt.
Cùng cư trú: Tổ E, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Đức H2 và bà Nguyễn Thị N:* Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2024), có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H1, là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo Đơn khởi kiện ngày 27/7/2023, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Đức V và đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Anh V làm nghề dịch vụ cầm đồ, kinh doanh bất động sản. Anh V không có họ hàng với ông H1 và bà N, anh V chỉ quen biết ông H1 và bà N từ khi anh V cho ông H1 vay tiền. Vào ngày 21/8/2022 anh V cho ông H1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng tại nhà của anh V ở ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ông H1 là người nhận tiền, anh V đưa số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông H1 01 lần. Khi giao tiền có ông Nguyễn Thế H3 là người làm chứng, khi đưa tiền không có mặt bà N. Mục đích vay tiền để đáo hạn N1 hang, lãi suất thỏa thuận 3% tháng, thời hạn 01 tháng sẽ trả. Khi vay tiền ông H1 có thế chấp cho anh V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H1 và bà N đứng tên, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 anh V đang cất giữ. Khi vay tiền hai bên không làm giấy vay tiền mà làm Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà) được lập tại nhà của anh V ở ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 21/8/2022. Trước đây ông H1 có vay tiền của anh V nhưng đã trả xong. Từ khi vay số tiền 1.000.000.000 đồng đến nay thì anh V không cho ông H1 vay số tiền nào khác. Bà N có biết việc ông H1 vay tiền của anh V hay không thì anh V không biết, vì những lần vay tiền trước cũng chỉ có một mình ông H1 vay tiền, một mình ông H1 là người trả tiền, anh V biết bà N vì có đến nhà gặp bà N để đòi tiền, anh V không biết ông H1 đi chấp hành án tù về tội đánh bạc. Lý do lần trước anh V khởi kiện ông H1 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc, nay anh V lại khởi kiện về hợp đồng vay tài sản vì thời điểm đó ông H1 trình bày là ông H1 vay tiền chứ không bán đất nên anh V mới rút đơn.

Nay anh V yêu cầu ông H1, bà N cùng trả cho anh V số tiền 1.000.000.000 đồng và lãi suất tạm tính là 91.300.000 đồng. Ngoài ra, anh V không có yêu cầu gì khác.

***- Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày:***

Ông H1 chỉ quen biết chứ không có họ hàng với anh V. Ông quen biết anh V vì ông có vay tiền của anh V. Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng mà anh V đang khởi kiện ông thì ông không đồng ý trả cho anh V vì ông chỉ vay của anh V số tiền 300.000.000 đồng và ông đã trả cho anh V được 100.000.000 đồng. Nay ông chỉ đồng ý trả cho anh V số tiền 200.000.000 đồng, ông không đồng ý trả số tiền nào khác. Ông H1 yêu cầu anh V phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Mục đích ông vay tiền để tiêu xài cá nhân, việc ông vay tiền không liên quan đến bà N vợ ông. Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà) ngày 21/8/2022 ký tên và lăn tay bên A (bên chuyển nhượng) là của ông H1, ông ký tên trong lúc say rượu. Ngoài ra, ông H1 không trình bày gì thêm.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị N trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trình bày:*

Bà Nguyễn Thị N là vợ ông Nguyễn Văn H1, bà không quen biết anh V. Việc ông H1 có vay tiền của anh V thì bà không biết. Bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của anh V, bà N không vay tiền của ông V, đây là nợ riêng của ông H1, nếu phải trả số tiền trên thì là nghĩa vụ của ông H1, bà N không liên quan. Bà N yêu cầu anh V phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Bà N không vay tiền của ông V, đây là nợ riêng của ông H1, nếu phải trả số tiền trên thì là nghĩa vụ của ông H1, bà N không liên quan.

***- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh, quyết định:***

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Đức V đối với ông Nguyễn Văn H1 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ trả lại cho anh Phan Đức V số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, ghi nhận anh V không yêu cầu trả tiền lãi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh V đối với bà N về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Anh Phan Đức V có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn H1 01(một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS00602 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị N ngày 26/4/2017 thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 20, có diện tích 19907.1m$^2$, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Vào ngày 30-01-2024, ông Nguyễn Văn H1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh V; Ông H1 đồng ý trả cho anh V số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

***- Tại phiên tòa phúc thẩm:***

+ Ông Nguyễn Hữu L là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông H1.

+ Bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Đức V đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

***- Ý kiến của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:***

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:*

**[1]** Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]** Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án anh V và ông H1 đều thừa nhận không có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mà mục đích ông H1 ký tên vào "Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà) ngày 21/8/2022" là để vay tiền của anh V, do đó, hợp đồng trên là giả tạo nhằm che giấu việc ông H1 vay tiền của anh V nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự.

Ông H1 thừa nhận có vay tiền của anh V nhưng cho rằng ông chỉ vay của anh V số tiền 300.000.000 đồng, tuy nhiên, theo "Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà) ngày 21/8/2022" thể hiện số tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.000.000.000 đồng, ngoài lời trình bày ông H1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông H1 chỉ vay của anh V số tiền 300.000.000 đồng nên ông phải chịu hậu quả của việc không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà) ngày 21/8/2022" ký tên và lăn tay bên A (bên chuyển nhượng) là của ông H1. Do đó, có căn cứ xác định vào ngày 21/8/2022 ông Nguyễn Văn H1 có vay của anh Phan Đức V số tiền 1.000.000.000 đồng là có thật. Do đó cấp sơ thẩm buộc ông H1 trả lại cho anh V số tiền 1.000.000.000 đồng là có căn cứ.

Việc cấp sơ thẩm buộc ông H1 trả tiền cho anh V nhưng không tuyên bố hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà) giữa anh V và ông H1 đã ký vào ngày 21/8/2022" vô hiệu là có thiếu sót nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với việc anh V khởi kiện yêu cầu bà N vợ ông H1 cùng có nghĩa vụ trả nợ cho anh V. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh V thừa nhận không biết bà N, khi vay tiền chỉ có một mình ông H1 nhận tiền, bà N không có nhận tiền, do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V về việc yêu cầu bà N cùng có nghĩa vụ trả nợ cho anh V là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1, giữ nguyên án"bản án sơ thẩm.

**[3]** Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông nguyễn Văn H4, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

**[4]** Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 124, Điều 131, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Đức V đối với ông Nguyễn Văn H1 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Tuyên bố Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà) ngày 21/8/2022" giữa anh Phan Nhật V1 và ông Nguyễn Văn H1 vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ trả lại cho anh Phan Đức V số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, ghi nhận anh Phan Đức V không yêu cầu trả tiền lãi.

Kể từ ngày anh Phan Đức V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H1 không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng ông Nguyễn Văn H1 còn phải trả cho anh Phan Đức V số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Đức V đối với bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Anh Phan Đức V có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn H1 01(một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS00602 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị N ngày 26/4/2017 thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 20, có diện tích 19907.1m$^2$, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phan Đức V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho anh Phan Đức V 22.370.000 (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0008662 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Nguyễn Văn H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

**4.** Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H1 được miễn án phí theo quy định.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND TTN;
- TAND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Ngọc Giàu**